

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐẮK LẮK

Số: 2656 /QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đắk Lắk, ngày 09 tháng 9 năm 2016

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc giao chỉ tiêu biên chế công chức năm 2016**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 21/2010/NĐ-CP ngày 08/3/2010 của Chính phủ về quản lý biên chế công chức;

Căn cứ Nghị định số 36/2013/NĐ-CP ngày 22/4/2013 của Chính phủ về vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức;

Căn cứ Quyết định số 2218/QĐ-TTg ngày 10/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ về kế hoạch của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức;

Căn cứ Quyết định số 1800/QĐ-BNV ngày 30/11/2015 của Bộ Nội vụ về việc giao biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 30/8/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa IX - Kỳ họp thứ hai về biên chế công chức, số lượng viên chức năm 2016;

Theo đề nghị của Sở Nội vụ tại Tờ trình số 587/TTr-SNV ngày 09/9/2016,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Giao chỉ tiêu biên chế công chức năm 2016 cho các Sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, trong đó có thực hiện việc tinh giản biên chế theo quy định hiện hành (chi tiết như phụ lục kèm theo).

**Điều 2.** Giám đốc Sở Nội vụ có trách nhiệm thông báo cụ thể chỉ tiêu biên chế công chức năm 2016 cho các cơ quan, đơn vị và hướng dẫn triển khai thực hiện theo quy định.

Giám đốc các Sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố căn cứ chỉ tiêu biên chế được giao để quản lý, sử dụng cán bộ, công chức theo đúng quy định hiện hành.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này kể từ ngày ký. / *ru*

Nơi nhận: *ru*

- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Như điều 3;
- Cổng TTĐT tỉnh, Báo Đắk Lắk, Đài PTHT tỉnh;
- Lưu VT, TH (Ph 100b).



**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

*Nguyễn Hải Ninh*  
**Nguyễn Hải Ninh**



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

**BIỂU TỔNG HỢP GIAO BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC NĂM 2016  
CHO CÁC SỞ, BAN, NGÀNH VÀ UBND CÁC HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ**  
(Kèm theo Quyết định số 2656/QĐ-UBND ngày 09/9/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Số TT	Tên đơn vị	Biên chế giao năm 2015		Biên chế giao năm 2016		Biên chế tăng/giảm (so với biên chế giao năm 2015)
		Biên chế công chức	Biên chế Đội công tác PĐQC chuyên trách	Biên chế công chức	Biên chế Đội công tác PĐQC chuyên trách	
	I	2	3	4	5	6=4-2
	<b>Tổng cộng (I+II+III):</b>	<b>3,369</b>		<b>3,314</b>		
	<b>Cộng (I+II)</b>	<b>3,228</b>	<b>106</b>	<b>3,163</b>	<b>106</b>	<b>-65</b>
<b>I</b>	<b>Khối Sở, ngành:</b>	<b>1,601</b>	<b>18</b>	<b>1,564</b>	<b>18</b>	<b>-37</b>
1	Sở Giao thông vận tải	48		47		-1
2	Sở Xây dựng	83		82		-1
3	Sở Tài nguyên và Môi trường	71		69		-2
4	Sở Tài chính	79		78		-1
5	Sở Kế hoạch và Đầu tư	57		55		-2
6	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	62		60		-2
7	Sở Tư pháp	52		51		-1
8	Sở Công thương	115		111		-4
9	Sở Khoa học và Công nghệ	38		37		-1
10	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	61		61		
11	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	442		431		-11
12	Sở Y tế	80		78		-2
13	Sở Giáo dục và Đào tạo	63		61		-2
14	Sở Nội vụ	83		81		-2
15	Sở Thông tin và Truyền thông	36		35		-1
16	Văn phòng HĐND tỉnh	34		32		-2
17	Văn phòng UBND tỉnh	75		72		-3
18	Sở Ngoại vụ	23		23		
19	Thanh tra tỉnh	48		47		-1
20	Ban Dân tộc	23		23		
21	Ban Quản lý các Khu công nghiệp	18		18		
22	Văn phòng Ban An toàn giao thông tỉnh	3		3		
23	Liên hiệp các Hội KH-KT tỉnh	2		2		
24	Liên hiệp các tổ chức hữu nghị tỉnh	5		7		2
25	Đội Công tác PĐQC cấp tỉnh		18		18	

Số TT	Tên đơn vị	Biên chế giao năm 2015		Biên chế giao năm 2016		Biên chế tăng/giảm (so với biên chế giao năm 2015)
		Biên chế công chức	Biên chế Đội công tác PĐQC chuyên trách	Biên chế công chức	Biên chế Đội công tác PĐQC chuyên trách	
	1	2	3	4	5	6=4-2
<b>II</b>	<b>UBND các huyện, thị xã, thành phố</b>	<b>1,627</b>	<b>88</b>	<b>1,599</b>	<b>88</b>	<b>-28</b>
1	UBND TP. Buôn Ma Thuột	143	5	140	5	-3
2	UBND thị xã Buôn Hồ	106	4	103	4	-3
3	UBND huyện Buôn Đôn	105	6	105	6	
4	UBND huyện Cư M'gar	108	11	106	11	-2
5	UBND huyện Ea H'leo	109	11	106	11	-3
6	UBND huyện Ea Kar	112	5	109	5	-3
7	UBND huyện Ea Súp	101	4	101	4	
8	UBND huyện Krông Ana	107	6	104	6	-3
9	UBND huyện Krông Bông	104	5	102	5	-2
10	UBND huyện Krông Buk	107	5	105	5	-2
11	UBND huyện Krông Năng	104	5	102	5	-2
12	UBND huyện Krông Pắc	112	8	109	8	-3
13	UBND huyện Lắk	100	5	100	5	
14	UBND huyện M'Drắk	102	4	102	4	
15	UBND huyện Cư Kuin	107	4	105	4	-2
<b>III</b>	<b>Biên chế dự phòng</b>	<b>35</b>		<b>45</b>		